BẢNG 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN GÒ VẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
2	AN NHƠN	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
3	CÂY TRÂM	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
4	DƯƠNG QUẢNG HÀM	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
5	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 3	NGUYỄN VĂN CÔNG	ĐƯỜNG SỐ 2	3.400
6	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 7	PHẠM HUY THÔNG	LÊ ĐỨC THỌ	4.000
7	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 10	PHAN VĂN TRỊ	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	3.000
8	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 11	ĐƯỜNG SỐ 3	THỐNG NHẤT	2.400
9	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 13	LÊ ĐỨC THỌ	PHẠM VĂN CHIÊU	2.000
10	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 15	LÊ ĐỨC THỌ	ĐƯỜNG DỰ PHÓNG DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.500
11	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG SỐ 3	THỐNG NHẤT	2.600
12	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 17	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	ĐƯỜNG SỐ 2	2.500
13	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 3	NGUYỄN KIỆM	ĐƯỜNG SỐ 1	3.400
14	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 5	HUỲNH KHƯƠNG AN	PHAN VĂN TRỊ	3.400
15	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 7	LÊ ĐỨC THỌ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	3.400
16	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 10	QUANG TRUNG	ĐƯỜNG C 200	3.400
17	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 15	LÊ ĐỨC THỌ	ĐƯỜNG DỰ PHÓNG DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.500
18	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG SỐ 1	LÊ ĐỨC THỌ	2.200
19	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 17	LÊ HOÀNG PHÁI	RẠCH BÀ MIÊN	2.200
20	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG 3	NGUYỄN KIỆM	ĐƯỜNG SỐ 1	3.400
21	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG 7	LÊ ĐỨC THỌ	PHẠM HUY THÔNG	3.400
22	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG 11	LÊ VĂN THỌ	ĐƯỜNG SỐ 2	2.400
23	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG 13	LÊ ĐỨC THỌ	SÔNG VÀM THUẬT	1.800
24	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG 15	ĐƯỜNG SỐ 2	GIÁP PHƯỜNG 17	2.400
25	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG 16	LÊ VĂN THỌ	ĐƯỜNG SỐ 2	3.300
26	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG 3	NGUYỄN VĂN CÔNG	ĐƯỜNG SỐ 3	3.400
27	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG 7	LÊ ĐỨC THỌ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	3.400
28	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG 10	QUANG TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	4.700
29	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG 13	LÊ ĐỨC THỌ	SÔNG VÀM THUẬT	1.800
30	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG 15	LÊ ĐỨC THỌ	ĐƯỜNG DỰ PHÓNG DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.400
31	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG SỐ 3	PHẠM VĂN CHIÊU	3.300
32	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG 3	NGUYỄN KIỆM	ĐƯỜNG SỐ 3	3.400
33	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG 7	PHẠM HUY THÔNG	LÊ ĐỨC THỌ	3.400
34	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG 13	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG SỐ 6	1.800
35	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG 15	LÊ ĐỨC THỌ	ĐƯỜNG DỰ PHÓNG DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.800

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
36	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG SỐ 4	PHẠM VĂN CHIÊU	2.200
37	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG 17	LÊ ĐỨC THỌ	ĐƯỜNG SỐ 7	2.500
38	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG 3	NGUYỄN THÁI SƠN	NGUYỄN VĂN CÔNG	4.200
39	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG 7	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
40	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG 13	LÊ ĐỨC THỌ	SÔNG VÀM THUẬT	1.800
41	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG SỐ 2	THỐNG NHẤT	2.600
42	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG 3	LÊ LỢI	GIÁP RANH PHÚ NHUẬN	3.400
43	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG 7	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
44	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG 16	THỐNG NHẤT	ĐƯỜNG SỐ 9	1.800
45	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG 7	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
46	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG 11	LÊ VĂN THỌ	THỐNG NHẤT	3.500
47	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG 16	THỐNG NHẤT	ĐƯỜNG SỐ 16	2.600
48	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG 15	LÊ ĐỨC THỌ	ĐƯỜNG DỰ PHÓNG DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.400
49	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG SỐ 14	LÊ ĐỨC THỌ	2.800
50	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG 17	LÊ ĐỨC THỌ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	3.600
51	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG 16	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	LÊ ĐỨC THỌ	3.300
52	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG 17	ĐƯỜNG SỐ 9	LÊ THỊ HỒNG	3.600
53	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG 11	LÊ VĂN THỌ	ĐƯỜNG SỐ 8	3.400
54	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG 16	THỐNG NHẤT	NHÀ SỐ 86	3.300
		NHÀ SỐ 86/1	ĐƯỜNG SỐ 16	1.800
55	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG 17	ĐƯỜNG SỐ 10	LÊ ĐỨC THỌ	3.600
56	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG 11	THỐNG NHẤT	ĐƯỜNG SỐ 8	2.400
57	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG 16	THỐNG NHẤT	ĐƯỜNG SỐ 8	2.200
58	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG 17	LÊ THỊ HỒNG	ĐƯỜNG SỐ 10	3.600
59	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG 16	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	ĐƯỜNG SỐ 9	2.200
60	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG 17	LÊ THỊ HỒNG	ĐƯỜNG SỐ 11	3.600
61	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG 16	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	ĐƯỜNG SỐ 9	1.900
62	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG 17	LÊ THỊ HỒNG	LÊ ĐỨC THỌ	3.600
63	ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG 16	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	ĐƯỜNG SỐ 11	2.600
64	ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG 17	LÊ THỊ HỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.600
65	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG 16	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	LÊ ĐỨC THỌ	2.400
66	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG 17	NGUYÊN OANH	LÊ THỊ HỒNG	3.600
67	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG 17	NGUYÊN OANH	CUỐI ĐƯỜNG	3.600
68	ĐƯỜNG SỐ 18, PHƯỜNG 8 (PHƯỜNG 11 CŨ)	QUANG TRUNG	LÊ VĂN THỌ	3.600
69	ĐƯỜNG SỐ 18, PHƯỜNG 17	LÊ ĐỨC THỌ	AN NHƠN	2.800
70	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG 5	DƯƠNG QUẢNG HÀM	SÔNG VÀM THUẬT	3.100
71	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG 6	DƯƠNG QUẢNG HÀM	CUỐI ĐƯỜNG	2.900
72	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG 5	DƯƠNG QUẢNG HÀM	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
73	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG 8 (PHƯỜNG 11 CŨ)	QUANG TRUNG	CÂY TRÂM (ĐS 100)	3.600
74	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG 5	CUỐI ĐƯỜNG SỐ 21	ĐƯỜNG SỐ 20	2.600

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m^2

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
75	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG 5	ĐƯỜNG SỐ 20	SÔNG VÀM THUẬT	2.600
76	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG 6	LÊ ĐỨC THỌ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.600
77	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG 6	LÊ ĐỨC THỌ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.900
78	ĐƯỜNG SỐ 28, PHƯỜNG 6	DƯƠNG QUẢNG HÀM	CUỐI ĐƯỜNG	2.900
79	ĐƯỜNG SỐ 29, PHƯỜNG 6	ĐƯỜNG SỐ 30	ĐƯỜNG SỐ 27	2.400
80	ĐƯỜNG SỐ 30, PHƯỜNG 6	LÊ ĐỨC THỌ	NGUYỄN VĂN DUNG	2.900
81	ĐƯỜNG SỐ 31, PHƯỜNG 6	DƯƠNG QUẢNG HÀM	CUỐI ĐƯỜNG	2.900
82	HẠNH THÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
83	HOÀNG HOA THÁM	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
84	HOÀNG MINH GIÁM	GIÁP RANH QUẬN PHÚ	NGUYỄN KIỆM	9.400
85	HUỲNH KHƯƠNG AN	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
86	HUỲNH VĂN NGHỆ	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
87	LÊ ĐỨC THỌ	PHAN VĂN TRỊ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	7.500
		DƯƠNG QUẢNG HÀM	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	6.200
		NGUYỄN VĂN LƯỢNG	LÊ HOÀNG PHÁI	7.500
		LÊ HOÀNG PHÁI	THỐNG NHẤT	5.900
		THỐNG NHẤT	PHẠM VĂN CHIÊU	5.900
		PHẠM VĂN CHIÊU	CẦU TRƯỜNG ĐAI	4.000
88	LÊ HOÀNG PHÁI	TRỌN ĐƯỜNG		4.900
89	LÊ LAI	NGUYỄN THÁI SƠN	LÊ LỢI	5.200
		LÊ LỢI	CUỐI ĐƯỜNG	4.100
90	LÊ LỢI	NGUYỄN VĂN NGHI	LÊ LAI	6.600
		LÊ LAI	NGUYỄN KIỆM	5.500
91	LÊ QUANG ĐỊNH	CẦU HANG	GIÁP RANH QUẬN BÌNH	7.900
92	LÊ THỊ HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
93	LÊ VĂN THỌ	QUANG TRUNG	LÊ ĐỨC THỌ	5.200
94	LƯƠNG NGỌC QUYẾN	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
95	LÝ THƯỜNG KIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
96	NGUYỄN BỈNH KHIÊM	LÊ QUANG ĐỊNH	GA XE LỬA	4.000
97	NGUYỄN DU	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
98	NGUYỄN HỒNG	LÊ QUANG ĐỊNH	GIÁP RANH QUẬN BÌNH	5.500
99	NGUYỄN KIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		9.400
100	NGUYỄN OANH	NGÃ SÁU	PHAN VĂN TRỊ	9.600
		PHAN VĂN TRỊ	LÊ ĐỨC THỌ	8.400
		LÊ ĐỨC THỌ	CẦU AN LỘC	7.200
101	NGUYỄN THÁI SƠN	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	NGUYỄN KIỆM	8.400
		NGUYỄN KIỆM	PHẠM NGŨ LÃO	9.000
		PHẠM NGŨ LÃO	PHAN VĂN TRỊ	10.300
		PHAN VĂN TRỊ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	5.900
		DƯƠNG QUẢNG HÀM	CUỐI ĐƯỜNG	5.900
102	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
103	NGUYỄN TUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
104	NGUYỄN VĂN BẢO	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
105	NGUYỄN VĂN CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
106	NGUYỄN VĂN DUNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.000

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
107	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
108	NGUYỄN VĂN NGHI	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
109	PHẠM HUY THÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
110	PHẠM NGŨ LÃO	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
111	PHẠM VĂN BẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
112	PHẠM VĂN CHIÊU	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
113	PHAN HUY ÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
114	PHAN VĂN TRỊ	GIÁP RANH QUẬN BÌNH	NGUYỄN THÁI SƠN	9.000
		NGUYỄN THÁI SƠN	NGUYỄN OANH	7.900
		NGUYỄN OANH	THỐNG NHẤT	6.500
115	QUANG TRUNG	NGÃ SÁU	LÊ VĂN THỌ	9.700
		LÊ VĂN THỌ	TÂN SƠN	7.800
		TÂN SƠN	CHỢ CẦU	6.600
116	TÂN SƠN	QUANG TRUNG	GIÁP RANH QUẬN TÂN	4.400
117	THÍCH BỬU ĐĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
118	THIÊN HỘ DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
119	THỐNG NHẤT	SÂN BAY	QUANG TRUNG	5.000
		QUANG TRUNG	DIỆU HIỀN	5.900
		DIỆU HIỀN	NHÀ THỜ HÀ NỘI	6.600
		NHÀ THỜ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	5.500
120	THÔNG TÂY HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		3.200
121	TRẦN BÁ GIAO	CHUNG CƯ HÀ KIỀU	NGUYỄN THÁI SƠN	2.600
122	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
123	TRẦN PHÚ CƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
124	TRẦN QUỐC TUẤN	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
125	TRẦN THỊ NGHĨ	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
126	TRƯNG NỮ VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
127	TRƯƠNG ĐĂNG QUẾ	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
128	TRƯƠNG MINH KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
129	TÚ MỠ	TRỌN ĐƯỜNG		4.200

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ